

# CHECK VOCABULARY

Name:

Date:

Section:

Score:

## WRITE THESE WORDS IN ENGLISH

*ban công*

*tầng hầm*

*cái kệ sách*

*cái ống khói*

*bông hoa*

*cửa trước*

*khu vườn*

*bãi cỏ*

*sảnh, hành lang*

*lá cây*

*cái thảm*

*mái nhà*

*bậc thang*

*Có bao nhiêu cái ban công?*

*Không có cái ban công nào.*

*Có bao nhiêu cái cây?*

*Có 2 cái cây.*

*Có bao nhiêu cái cây?*

*Có 2 cái cây.*